TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Dũng.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Bá H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 01-10-2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại

nhà bố mẹ đẻ anh H ở thôn L, xã T, huyện K đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H chỉ mải chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến vi phạm pháp luật và bị Tòa án có thẩm quyền kết án tù. Trong thời gian anh H chấp hành án tại trại giam, bố mẹ anh H luôn kiếm cớ chửi bới và đuổi chị đi nên ngày 10-12-2017 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Bá H.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Bá H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như chị T đã trình bày. Tuy nhiên, anh H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ là do anh vi phạm pháp luật nên phải chấp hành án tại trại giam từ cuối năm 2016 đến tháng 9-2020 nên vợ chồng mới sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị T vẫn còn nên anh mong muốn chị T rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp chị T nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị T.

Về con chung: Chị T và anh H thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Nguyễn B, sinh ngày 08-02-2013, hiện nay đang ở với chị T. Tuy nhiên, anh chị không thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung. Cả chị T và anh H đều xin được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu bên kia phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị T và anh H thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị T, anh H thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn là chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn là anh H chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Bá H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn B, sinh ngày 08-02-2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động, tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là anh Nguyễn Bá H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Bá H là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 01-10-2012 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi, không quan tâm đến vợ con, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xảy ra cãi, chửi nhau. Ngày 24-12-2016 anh H bị bắt giam, sau đó bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn kết án 04 năm 04 tháng 14 ngày tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", kể từ thời điểm này anh chị cũng sống li thân nhau cho đến nay, không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh H; còn anh H mặc dù có nguyện vọng mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh cũng xác định thực tế vợ chồng đã li thân nhau từ tháng 12-2016 cho đến nay, nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị T và anh H thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị T được ly hôn anh H là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị T và anh H có một con chung tên là Nguyễn B, sinh ngày 08-02-2013, hiện nay đang ở với chị T. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo ổn định việc ăn ở, học hành của con. Xét thấy từ khi anh chị li thân nhau đến nay cháu B đều ở với chị T và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học ổn định, có xác nhận của Trường Mầm non xã T, huyện K; hiện nay chị T đang làm tại Ngân hàng Sài Gòn-Hà Nội (SHB), có thu nhập ổn định, nguyện vọng của cháu B cũng tha thiết xin được ở với mẹ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu B, anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị T và anh H cùng thống nhất xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Bá H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn B, sinh ngày 08-02-2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B.

3. Án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004305 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo